TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 29-01-2018
V/v ly hôn giữa chị B và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 664/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX - ST ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thu B, sinh năm 197X; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 94/107 D, phường D, quận L, Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trí T, sinh năm 197Y; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 94/107 D, phường D, quận L, Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại đội 9, phân trại số 3, trại giam A, xã A, huyện P, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thu B trình bày: Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau có đăng ký kết

hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyển số 01 ngày 14/7/2000 tại Ủy ban nhân dân phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng.

Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tình cách hai bên không phù hợp nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2013, anh T bị bắt vì có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án xử với mức phạt 09 năm tù. Hiện anh T đang chấp hành án tại đội 9, phân trại số 3, trại giam A, xã A, huyện P, tỉnh B. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/5/200T. Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Trí T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B anh T trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị B về điều kiện kết hôn và thừa nhận quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp nhau dẫn đến cãi vã nhau. Nay anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị B không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/5/200T. Sau khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho chị B nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời anh T cũng có ý kiến: Hiện do anh đang phải chấp hành án nên không tham gia giải quyết và xét xử được do vậy anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh.

Tại đơn trình bày của cháu Nguyễn Thị Cẩm T thể hiện quan điểm trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Tú có nguyện vọng muốn ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho chị Hoàng Thu B được ly hôn anh Nguyễn Trí T;

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/5/200T cho chị Hoàng Thu B trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị Hoàng Thu B phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và biên bản làm việc ngày 10/01/2018 thể hiện địa chỉ cư trú trước khi anh T đi chấp hành án tại số 94/107 D, phường D, quận L, Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa chị Hoàng Thu B và anh Nguyễn Trí T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn anh Nguyễn Trí T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thu B và anh Nguyễn Trí T tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đều xác nhận là vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng. Hiện tại hai bên đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Hội

đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, yêu cầu của chị B được ly hôn với anh T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/5/200T. Sau khi ly hôn, chị B có nguyện vọng nuôi con chung, nguyện vọng của cháu T muốn ở với mẹ, anh T hiện đang chấp hành án tại trại A cũng đồng ý để chị B nuôi dưỡng con chung. Vì vậy giao con chung Nguyễn Thị Cẩm T cho chị B nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Hoàng Thu B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thu B và anh Nguyễn Trí T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 29/5/2000 cho chị Hoàng Thu B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thu B phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp theo biên lai số 0004841 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thu B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trí T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân;
- UBND phường D, quận L, Hải Phòng(GCNKH2000);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh